

Số: /BC-UBND

Trà Bông, ngày 14 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 và công tác triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện Trà Bông

Thực hiện nội dung Công văn số 210/UBND-KGVX ngày 10/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn giám sát thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 và kiểm tra thực tế việc triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh. UBND huyện Trà Bông báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Trà Bông năm 2024 và tình hình triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

A. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện năm 2024.

Để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện trong năm 2024, UBND huyện đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện, cụ thể:

- Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Trà Bông năm 2024¹ và các Kế hoạch thực hiện các dự án thành phần².

- Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 26/02/2024 của UBND huyện Trà Bông Về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bông.

- HĐND huyện đã giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024³, UBND huyện đã kịp thời phân bổ nguồn vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp năm 2024 cho các địa phương, đơn vị⁴.

- Chỉ đạo các Phòng là chủ trì dự án, tiểu dự án và các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án và nội dung thành phần năm 2024.

- 16/16 xã, thị trấn đã ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình và các dự án trong năm 2024

¹ Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 20/2/2024 của UBND huyện;

² Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 07/5/2024 về giám sát, đánh giá Chương trình năm 2024; Kế hoạch: 91/KH-UBND ngày 20/5/2024 Về thực hiện Dự án 2 năm 2024; Kế hoạch: 64/KH-UBND ngày 11/4/2024 Về thực hiện Dự án 4 năm 2024; Kế hoạch: 58/KH-UBND ngày 02/4/2024 Về thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 6 năm 2024;

³ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện

⁴ Quyết định số 6267/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 22/2/2023 của UBND huyện.

II. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình

1. Kế hoạch vốn năm 2024

- Tổng kế hoạch vốn năm 2024 là 144.119 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư 62.755 triệu đồng, vốn sự nghiệp 81.364 triệu đồng.

- Kết quả giải ngân ước đến ngày 31/01/2025 là 131.252 triệu đồng, tỷ lệ 91,07%. Trong đó vốn đầu tư giải ngân 61.300 triệu đồng, tỷ lệ 97,68%; vốn sự nghiệp giải ngân 69.952 triệu đồng, tỷ lệ 85,97%, cụ thể:

+ Ngân sách trung ương giải ngân là 118.708 triệu đồng (*vốn đầu tư 56.301 triệu đồng, vốn sự nghiệp 62.407 triệu đồng*), tỷ lệ 92,92%.

+ Ngân sách địa phương giải ngân 12.554 triệu đồng (*vốn đầu tư 4.999 triệu đồng, vốn sự nghiệp 7.545 triệu đồng*), tỷ lệ 76,68 %.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

2. Vốn năm trước chuyển sang

- Tổng vốn chuyển sang năm 2024 là 37.693,628 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư 7.774,628 triệu đồng, vốn sự nghiệp 29.919 triệu đồng.

- Kết quả giải ngân ước đến ngày 31/01/2025 là 30.408,628 triệu đồng, tỷ lệ 81,32%. Trong đó vốn đầu tư giải ngân 7.774,628 triệu đồng, tỷ lệ 100%; vốn sự nghiệp giải ngân 22.633 triệu đồng, tỷ lệ 76,41%, cụ thể:

+ Ngân sách trung ương giải ngân là 25.805,588 triệu đồng (*vốn đầu tư 6.449,388 triệu đồng, vốn sự nghiệp 19.356,2 triệu đồng*), tỷ lệ 80,69%.

+ Ngân sách địa phương giải ngân 4.602,24 triệu đồng (*vốn đầu tư 1.325,24 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.277 triệu đồng*), tỷ lệ 85,02 %.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

III. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

1. Mục tiêu chung

Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dạy nghề, giải quyết việc làm bao trùm cho tất cả hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thuộc Chương trình từ đó giúp cho đối tượng có việc làm, tăng thu nhập, vượt lên mức sống tối thiểu và vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; các chính sách giảm nghèo hiện hành (y tế, giáo dục, tín dụng ưu đãi, tiền điện...), các dự án đầu tư công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh, chính sách cải thiện dinh dưỡng đã giúp cho đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đạt được trong năm 2024.

a) Mục tiêu của Chương trình

- Tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2024 trên địa bàn huyện có 29,77%, thực hiện đến cuối năm 2024 giảm xuống còn 20,12%, giảm 9,65%, vượt chỉ tiêu tỉnh giao (chỉ tiêu giao giảm 6-7%/năm).

- Tỷ lệ xã thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn: ước đến cuối năm 2024 trên địa bàn huyện không có xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số: Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số đầu năm 2024 có 37,33% đến cuối năm 2024 giảm xuống còn 29,45%, giảm 7,88%, đạt chỉ tiêu giao (giảm trên 7%/năm).

- Huyện được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- 100% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Năm 2024 các chỉ tiêu thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản đạt kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

+ Tối thiểu 60 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm thành công, đạt 100% so với kế hoạch;

+ Tối thiểu 250 người lao động trên địa bàn huyện được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 50 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo*).

- Về y tế: Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại huyện xuống còn 34,07%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 95%;

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 48,95%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 21,8%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp;

- Về nhà ở: Xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 920/995 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (đạt tỷ lệ 92,46%) được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Về nước sinh hoạt và vệ sinh: 70,24% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 36,05% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Về thông tin: 75,84% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 90,5% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

IV. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình năm 2024

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- Tình hình, kết quả thực hiện:

+ Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: UBND huyện đã giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và PTQĐ thực hiện đầu tư xây dựng 26 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, trong đó 20 dự án chuyển tiếp (*năm 2022 chuyển sang năm 2024*) và xây dựng phê duyệt 06 dự án đầu tư công trình đầu tư mới bao gồm: 03 dự án công trình trường học, 03 dự án công trình giao thông;

+ Đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất và dân sinh: Trong năm 2024, UBND huyện đã quyết định giao UBND các xã, thị trấn và Phòng Kinh tế - Hạ tầng thực hiện duy tu, bảo dưỡng 24 công trình

+ Kết quả giải ngân (kể cả vốn chuyển tiếp): 83.465,258/87.890,628 triệu đồng, tỷ lệ 94,96%. Trong đó: Vốn đầu tư: 69.229,628 triệu đồng, tỷ lệ 98,3%; Vốn sự nghiệp: 14.235,63/17.361 triệu đồng, tỷ lệ 82%.

2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tình hình thực hiện: Số mô hình giảm nghèo, dự án phát triển sản xuất được hỗ trợ: 56 dự án, trong đó có 52 dự án cộng đồng, 04 dự án chuỗi liên kết. UBND huyện đã tổ chức thẩm định và ủy quyền cho UBND các xã, thị trấn phê duyệt 52 dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, đồng thời đã phê duyệt 04 dự án theo liên kết chuỗi cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện. Các mô hình chủ yếu là nông nghiệp và gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết quả đến ngày 31/12/2024: Đã hoàn thành hỗ trợ 47 dự án phát triển sản xuất với 1.195 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đối tượng khác của Chương trình.

- Kết quả giải ngân (kể cả vốn chuyển tiếp): 23.080 triệu đồng, tỷ lệ 78,77%. Trong đó, ngân sách trung ương 20.348 triệu đồng, ngân sách địa phương 2.732 triệu đồng.

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Tình hình thực hiện: Dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ: 17 dự án, trong đó có 16 dự án cộng đồng, 01 dự án chuỗi liên kết chăn nuôi bò cái sinh sản. UBND huyện đã tổ chức thẩm định và ủy quyền cho UBND các xã, thị trấn phê duyệt 16 dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, đồng thời đã phê duyệt 01 dự án theo liên kết chuỗi cho Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện. Kết quả đến ngày 31/12/2024: Đã hoàn thành hỗ trợ 17/17 dự án phát triển sản xuất với 210 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đối tượng khác của Chương trình.

- Kết quả giải ngân (kể cả vốn chuyển tiếp): 8.292 triệu đồng, tỷ lệ 77%. Trong đó, ngân sách trung ương 7.423 triệu đồng, ngân sách địa phương 869 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

- Tình hình thực hiện: UBND huyện đã phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2023, 2024 và giao nhiệm vụ Phòng Y tế huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu đề ra, cụ thể: Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi; Trình diễn thức ăn bằng các thực phẩm sẵn có tại địa phương; Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch; Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ em cho trạm y tế xã; Pano tuyên truyền (Trà Phong, Trà Xanh, Sơn Trà); In tờ rơi truyền thông (tài liệu tuyên truyền).

- Kết quả giải ngân (kể cả vốn chuyển tiếp): 1.776.593.520 đồng, trong đó kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024: 619.171.557 đồng, đạt 100%, kinh phí năm 2024: 1.157.421.963 đồng, đạt 87,68%.

4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Tình hình, kết quả thực hiện: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trong đó tập trung quảng bá hình ảnh về giáo dục nghề nghiệp; rà soát, thống kê nhu cầu đào tạo, ngành nghề đào tạo để phối hợp các cơ sở đào tạo trong triển khai thực hiện, chú trọng phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, nhằm nâng cao tỷ lệ người lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện, đặc biệt là tại các địa phương có tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt thấp, địa phương trong lộ trình về đích nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

+ Số cuộc khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề: 04 cuộc tại các xã TT Trà Xuân, Trà Thủy, Trà Bình, Trà Hiệp

+ Truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn: Tổ chức 02 ngày hội tư vấn nghề nghiệp - Giới thiệu việc làm thu hút trên 1.000 học sinh, người lao động tham gia; bên cạnh đó, đã thực hiện truyền thông về nghề nghiệp thông qua các bảng Pano tuyên truyền tại 10 xã, thị trấn. Tổ chức hội thi sân khấu hoá tìm hiểu về giáo dục nghề nghiệp cấp xã và cấp huyện

- Kết quả giải ngân (kể cả vốn chuyển tiếp): 2.860,4 triệu đồng, tỷ lệ 80,06%. Trong đó, ngân sách trung ương 2.651 triệu đồng, ngân sách địa phương 209,4 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Tình hình thực hiện: Các địa phương, đơn vị đã tổ chức tuyên truyền, vận động người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn

- Kết quả giải ngân: 44 triệu đồng (ngân sách trung ương 40 triệu đồng, ngân sách địa phương 4 triệu đồng), tỷ lệ 0,06%.

c) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

- Tình hình thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện đã giao nhiệm vụ cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã thị trấn tổ chức truyền thông về thị trường lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng; khảo sát, thu thập, lưu trữ thông tin về thị trường lao động; tổ chức điều tra, khảo sát về cung cầu lao động; cập nhật dữ liệu người lao động, thực trạng việc làm của người lao động vào phần mềm quản lý dữ liệu dân cư

- Kết quả giải ngân: 81 triệu đồng (ngân sách trung ương 76 triệu đồng, ngân sách địa phương 5 triệu đồng), tỷ lệ 6,6%.

5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

- Kết quả thực hiện: Các địa phương đang tổ chức triển khai xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 995 hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trong đó: Xây mới 732 hộ, Sửa chữa 263 hộ. Kết quả hoàn thành xây dựng và sửa chữa cho 920 hộ nghèo, hộ cận nghèo; các hộ xây dựng, sửa chữa nhà ở đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m², “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

- Kết quả giải ngân: 39.800 triệu đồng (ngân sách trung ương 34.644 triệu đồng, ngân sách địa phương 5.156 triệu đồng), tỷ lệ 96,7%.

6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

UBND huyện đã phê duyệt kế hoạch và giao Phòng VH TT triển khai thực hiện lắp đặt các cụm loa Đài truyền thanh xã ứng dụng CNTT và VT tại các xã

có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) tại các xã Trà Thủy, xã Trà Hiệp, Trà Lâm

- Kết quả giải ngân: 515 triệu đồng (ngân sách trung ương 452 triệu đồng, ngân sách địa phương 63 triệu đồng), tỷ lệ 98%.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

UBND huyện đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện:

+ UBND huyện thường xuyên hỗ trợ các cơ quan báo chí, để tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững

+ UBND huyện giao Trung tâm truyền thông – Văn hóa – Thể thao tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo (phóng sự, Pa nô, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...) định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ UBND huyện đã xây dựng trang tin điện tử về giảm nghèo trên trang điện tử của huyện Trà Bồng, đã đăng tải các thông tin có liên quan đến Chương trình, các gương điển hình trong công tác giảm nghèo

+ Tổ chức đối thoại chính sách: UBND các xã đã tổ chức các buổi đối thoại chính sách giảm nghèo trên địa bàn thôn của xã (đã tổ chức 29 buổi đối thoại)

- Kết quả giải ngân: 245 triệu đồng (ngân sách trung ương 223 triệu đồng, ngân sách địa phương 22 triệu đồng), tỷ lệ 37,1%.

7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tình hình, kết quả thực hiện: Các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo; tham quan, học tập kinh nghiệm. Kết quả: Tổ chức 03 lớp tập huấn, với 328 lượt người tham gia.

- Kết quả giải ngân: Kết quả giải ngân 491,220 triệu đồng (ngân sách trung ương 460,054 triệu đồng, ngân sách tỉnh 31,166 triệu đồng), tỷ lệ 19,87%

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Tình hình, kết quả thực hiện:

+ UBND huyện ban hành kế hoạch và tổ chức 01 Đoàn giám sát của huyện tại địa bàn 16 xã; các đơn vị chủ trì dự án, tiểu dự án cấp huyện đã tổ chức 03 đoàn giám sát; các địa phương cũng đã tổ chức 16 đoàn giám sát cấp xã.

+ Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và cập nhật dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo theo quy định.

- Kết quả giải ngân: 873 triệu đồng (ngân sách trung ương 789 triệu đồng, ngân sách địa phương 84 triệu đồng), tỷ lệ 70%.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận, đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của người nghèo, các dự án của Chương trình đã lồng ghép cùng với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, từ đó chỉ tiêu Chương trình đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. Tồn tại

- Việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo gặp nhiều khó khăn (*bản thân người lao động không muốn tham gia học nghề*) nên một huyện không thể triển khai đặt hàng đào tạo nghề nên tỷ lệ giải ngân nguồn kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 4 đạt tỷ lệ thấp.

- Công tác vận động người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn huyện chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do người lao động không muốn đi làm việc xa nhà; trong công tác hỗ trợ kinh phí cho người lao động thì việc cung cấp chứng từ thanh toán để hỗ trợ cho lao động gặp nhiều khó khăn.

- Cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện hầu hết là kiêm nhiệm, thiếu ổn định, thường xuyên thay đổi, luân chuyển nên gây không ít khó khăn trong công tác tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình.

- Trung ương chưa có chính sách cho vay tín dụng ưu đãi để xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nên vẫn còn 75 hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa đủ khả năng đối ứng phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở.

VI. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị trung ương xem xét, trình cấp thẩm quyền bổ sung cơ chế cho vay tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới, sửa chữa nhà ở của Dự án 5 thuộc Chương trình.

B. Kết quả triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát

1. Công tác thành lập Ban Chỉ đạo các cấp

- Cấp huyện: Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện tại Quyết định số 1867-QĐ/HU ngày 18/11/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy và đã ban hành Quy chế hoạt động của BCD (Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 25/12/2024 của BCD huyện).

- Cấp xã: 16/16 xã, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã.

2. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát

a) Ban hành Kế hoạch

- Huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn đến năm 2025 tại Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/12/2024 của Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 11/12/2022 của UBND huyện.

- Cấp xã: có 16/16 xã, thị trấn ban hành Kế hoạch.

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện

- Ban chỉ đạo huyện đã tổ chức 01 buổi lễ phát động vận động ủng hộ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện vào ngày 03/01/2025.

- UBND huyện đã triển khai phổ biến cho các xã, thị trấn các mẫu điển hình nhà do Sở Xây dựng ban hành.

- UBND huyện đã hoàn thành công tác rà soát, kiểm tra hiện trạng nhà ở; Hiện nay đang thực hiện phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát để trình UBND tỉnh phê duyệt

- Đang thực hiện thành lập Tổ dân vận để vận động nhân lực xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ dân trên địa bàn.

3. Kết quả rà soát đối tượng, thực hiện và huy động nguồn lực

a) Kết quả rà soát đối tượng có nhu cầu hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở

Đến nay toàn huyện có tổng số hộ cần hỗ trợ nhà ở trên địa bàn huyện là 1.943 hộ, trong đó, số hộ cần xây mới nhà ở: 1.559 hộ, số hộ cần sửa chữa nhà ở 384 hộ, cụ thể theo từng Chương trình như sau:

- **Nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:** Tổng số 1.244 hộ, trong đó: Số hộ cần xây mới nhà ở: 907 hộ; Số hộ cần sửa chữa nhà ở: 337 hộ.

- **Nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng hộ bào dân tộc thiểu số và miền núi:** Tổng số 411 hộ, trong đó: Số hộ cần xây mới nhà ở: 411 hộ.

- **Nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ:** Tổng số 123 hộ, trong đó: Số hộ cần xây mới nhà ở: 89 hộ, Số hộ có cần sửa chữa nhà ở: 34 hộ.

- **Nhà ở Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát:** Tổng số 165 hộ, trong đó: Số hộ có nhu cầu xây mới nhà ở: 152 hộ; Số hộ có nhu cầu sửa chữa nhà ở: 13 hộ.

b) Kết quả huy động nguồn lực:

- Tính đến ngày 10/01/2025 đã có 81 cơ quan, địa phương, doanh nghiệp trong và ngoài huyện; cán bộ và nhân dân trên địa bàn huyện **đăng ký ủng hộ** với tổng kinh phí là **258,4 triệu đồng**.

- Hiện nay, Ủy ban MTTQVN huyện đang tiếp tục cập nhật danh sách ủng hộ theo thư ngỏ của Trưởng ban chỉ đạo xóa nhà tạm, nhà dột nát huyện

c) Kết quả thực hiện và xác định thời gian hoàn thành

- Kết quả thực hiện xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 là hộ, trong đó xây mới nhà ở 1.387 hộ, sửa chữa nhà ở cho 340 hộ.

Đối với kế hoạch năm 2025 dự kiến thực hiện và hoàn thành trước **31/10/2025** với số hộ dự kiến hoàn thành 1.938 hộ. Trong đó, xây mới 1.555 hộ, sửa chữa 383 hộ.

4. Những khó khăn, tồn tại trong triển khai thực hiện

- Khi triển khai Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện rơi vào mùa mưa, thời tiết trên địa bàn mưa liên tục gần 02 tháng nên công tác rà soát lập danh sách, phê duyệt đối tượng còn chậm, dẫn đến huyện chưa triển khai thực hiện khởi công nhà ở trong đầu năm 2025.

- Do địa bàn huyện còn nhiều khó khăn nên việc huy động nguồn lực còn rất hạn chế, chủ yếu nhờ vào nguồn ngân sách và điều tiết kinh phí vận động từ cấp trên.

5. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Trung ương:

+ Phân bổ nguồn vốn từ Quỹ cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo hộ cận nghèo trong thời gian đến để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện theo kế hoạch đề ra.

+ Hướng dẫn điều kiện, đối tượng, định mức, quy trình, thủ tục hỗ trợ đối với Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước để làm căn cứ thực hiện.

C. Đánh giá việc thực hiện Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

I. Về quy trình chuẩn nghèo đa chiều

*** Về các tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo**

1. Mặt được

- Công tác rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm được thực hiện thu thập thông tin đến từng hộ gia đình, chính xác, công khai, minh bạch, đảm bảo theo quy trình các bước rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định

- Về việc xác định các tiêu chí về thu nhập thông qua thu thập thông tin để ước lượng là phương pháp rất thuận lợi trong tính thu nhập bình quân đầu người trong hộ gia đình. Đối với các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản việc thu thập thông tin thông qua quan sát và trao đổi với hộ gia đình nêu trên đã tạo điều kiện thuận lợi trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Việc thu nhập thông tin để ước lượng ra thu nhập của hộ gia đình còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tế: Vì thực tế các tài sản trong hộ được mua sắm từ trước hoặc của hộ gia đình khác để lại, hoặc được cho, tặng không phải từ nguồn thu thập từ hộ gia đình đang thuộc diện rà soát nên việc tính điểm để ước lượng ra thu nhập cho hộ gia đình thuộc diện rà soát là không phù hợp với khả năng về thu nhập thực tế của hộ gia đình. Đồng thời, có hộ gia đình ít hoặc không chịu mua sắm tài sản trong gia đình, các nguồn thu nhập do hộ gia đình làm ra được lưu trữ dưới dạng tiền mặt, kim loại quý nhưng không được thu thập thông tin để tính điểm ước ra thu nhập.

- Các thông tin về đất đai rất khó thu thập, kiểm chứng, đánh giá đúng thực tế của hộ đang có.

- Các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo tuy phù hợp với thực tế và cũng là nguyên nhân dẫn đến hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tuy nhiên, còn chưa phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện chính sách để tác động các chỉ số thiếu hụt, cụ thể:

+ Chỉ số về dinh dưỡng (Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi): Việc tác động các chính sách để cải thiện chiều cao, cân nặng đối với trẻ em dưới 16 tuổi cần nhiều thời gian do đó không thể giải quyết chỉ số thiếu hụt này trong năm.

+ Chỉ số thiếu hụt về y tế: Thực tế trên địa bàn vùng ĐBKK, người DTTS đã được nhà nước mua hỗ trợ thẻ BHYT, tuy nhiên theo quy định tại thời điểm rà soát tất cả thành viên hộ gia đình có thẻ bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng theo quy định của Luật bảo hiểm y tế thì thiếu hụt bảo hiểm y tế nên việc quy định thiếu hụt bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng chưa phù hợp và không thể tác động cụ thể vào chỉ số này (vì đã có thẻ bảo hiểm y tế).

II. Quy trình rà soát xác định

1. Quy trình rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thực hiện đảm bảo 6 bước theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: Bước 1: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát; Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình; Bước 3: Tổ chức họp dân thống nhất kết quả rà soát; Bước 4: Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 07 ngày làm việc; Bước 5: Báo cáo, xin ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Bước 6: Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn từ đó đảm bảo tính phù hợp, công khai, công bằng, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

2. Quy trình thu thập thông tin, tính điểm để ước lượng thu nhập, xác định mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Mặt được:

- Căn cứ danh sách được lập tại bước 1, rà soát viên đến trực tiếp từng hộ gia đình để thực hiện rà soát, thu thập thông tin hộ gia đình đầy đủ, chính xác theo Phiếu thu thập thông tin hộ gia đình để làm cơ sở tính điểm; trên cơ sở Phiếu thu thập thông tin hộ gia đình, rà soát viên đối chiếu với quy ước điểm để tính điểm Phiếu B1 tương ứng với thông tin hiện có của hộ gia đình.

- Trên cơ sở Phiếu thu thập thông tin hộ gia đình, rà soát viên tiếp tục rà soát các chỉ số thiếu hụt của hộ gia đình và đối chiếu với số điểm tương ứng của mỗi chỉ số thiếu hụt để tính điểm hộ gia đình theo Phiếu B2 làm cơ sở phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo như đã nêu tại khoản 1, Mục I, Phần A tại Báo cáo nên thuận lợi quá trình tính điểm.

b) Tồn tại, hạn chế:

Rà soát viên phải trực tiếp đến từng hộ để thu thập thông tin nhưng có nhiều hộ gia đình thường xuyên đi khỏi nhà dài ngày do đó gây nhiều khó khăn trong việc rà soát

III. Về thực hiện tại địa phương

1. Công tác tuyên truyền, triển khai chuẩn nghèo đa chiều

Hàng năm, vào thời điểm rà soát, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch tổ chức phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện thông tin, lồng ghép vào các họp thôn để hộ dân gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có Giấy đề nghị rà soát, đồng thời hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp để nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân trên địa bàn

Căn cứ kết quả rà soát phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn tiếp tục rà soát, phân loại cụ thể theo từng hộ gia đình về thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản để từ đó xây dựng kế hoạch để hỗ trợ cho hộ gia đình thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, kết quả như sau:

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận được bảo hiểm y tế
- Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ 1.701 trẻ. Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 5 tuổi được hỗ trợ 41 trẻ. Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ 2.320 trẻ.
- Trong thời gian qua thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 2.160 hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Dự kiến năm 2025 cơ bản giải quyết chỉ số thiếu hụt về nhà ở từ Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.
- Thực hiện các chính sách, dự án từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong những năm qua đã tổ chức đào tạo nghề và giải quyết việc làm 278 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo
- Trong những năm qua các cấp, các ngành, sự phối hợp của đoàn thể các

cấp tăng cường công tác tuyên truyền đã huy động tối đa số học sinh trong độ tuổi đến trường; nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, chất lượng đào tạo, làm tốt công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình... Từ đó, tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 95% vào năm 2024.

- Thực hiện chính sách cho vay tín dụng ưu đãi ngân hàng đã tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn chương trình nước sạch, vệ sinh, đồng thời từ nguồn lực của hộ gia đình và công tác tuyên truyền về giảm nghèo đa chiều được đẩy mạnh đã góp phần thay đổi nhận thức của hộ gia đình đã tự giải quyết chỉ số thiếu hụt từ đó chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo về nguồn nước sinh hoạt giảm xuống còn 29,76% và nhà tiêu hợp vệ sinh giảm xuống còn 63,95%.

4. Tổng nguồn lực huy động để thực hiện chuẩn nghèo đa chiều

Tổng nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã có tác động gián tiếp và trực tiếp đến các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo từ năm 2022-2024 là hơn 324.563 triệu đồng. Trong đó, các dự án, tiểu dự án tác động trực tiếp đến các chỉ số thiếu hụt, cụ thể: Chỉ số dinh dưỡng (các dự án, tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng thuộc Dự án 2, Dự án 3); chỉ số việc làm (phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững - Dự án 4); chỉ số về nhà ở (Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo- Dự án 5).

IV. Đề xuất chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030

1. Nội dung đề xuất

a) Về tiêu chí rà soát

- Đối với tiêu chí về thu nhập cần mở rộng phạm vi thu thập thông tin như: Tiền, kim loại quý (vàng, bạc,...), tiền công, tiền lương... và quy định cụ thể phương pháp để thu nhập, tránh trường hợp hộ dân không hợp tác.

- Phân loại tiêu chí cho nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động, không có khả năng thoát nghèo.

b) Quy trình rà soát

- Đối với quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Tiếp tục thực hiện quy trình rà soát theo giai đoạn 2022-2025.

2. Các vấn đề cần giải quyết

- Xây dựng phần mềm rà soát trên điện thoại, và thực hiện báo cáo trực tuyến, không thực hiện báo cáo bằng văn bản.

D. Đề xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-230

- Tiếp tục đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh cấp huyện, cấp xã

- Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, hợp tác xã (đất đai, cơ sở vật chất,

trang thiết bị sản xuất) để đầu tư sản xuất trên địa bàn huyện nghèo, huyện miền núi, vùng cao trực tiếp thu mua sản phẩm đầu ra của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (điều kiện, mức hỗ trợ theo số lượng đối tượng tham gia chuỗi cung ứng, cung cấp sản phẩm đầu ra).

- Cơ chế quản lý thực hiện

+ Đề nghị nghiên cứu tích hợp 03 Chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay, thành 01 Chương trình, tránh trùng lặp về nội dung của 03 Chương trình.

+ Theo dõi, giám sát, đánh giá các chương trình: xây dựng cơ sở dữ liệu (phần mềm) báo cáo trực tuyến đến cấp xã, đơn vị trực tiếp thực hiện Chương trình.

- Nguồn lực khoản 500.000 triệu đồng.

UBND huyện Trà Bồng kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Lao động – TB và XH;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Thành viên BCD các Chương trình MTQG;
- Thành viên BCD triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VP. HĐND và UBND: C, PVP(MN), CVMN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Đình Phương